

HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Văn Hoàng Anh¹, Nguyễn Thị Dung², Nguyễn Thị Dung³,
Trần Thị Thanh Phương⁴

^{1,2,3}Trường Đại học Nông – Lâm Bắc Giang

Email: hoangnguyen02092004@gmail.com

⁴Chi cục Thống kê khu vực Bắc Giang – Yên Dũng

TÓM TẮT

Phát triển làng nghề truyền thống có vai trò quan trọng là góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và đất nước, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc. Nghiên cứu phân tích hiện trạng phát triển làng nghề truyền thống trên địa bàn thành phố Bắc Giang cho thấy thành phố Bắc Giang có 06 làng có nghề, người nông dân có thu nhập ổn định gắn bó với địa bàn, đồng thời thu hút lao động các địa phương khác đến làm việc, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, hầu hết các cụm công nghiệp làng nghề đều chưa xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy định, đặc biệt là hạng mục xử lý ô nhiễm môi trường. Vì vậy, để các làng nghề phát triển bền vững, cần có chính sách phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật và tăng cường giáo dục ý thức cho người dân và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách nhiệm, nghĩa vụ của hộ sản xuất bằng việc đóng góp phí bảo vệ môi trường.

Từ khóa: Làng nghề truyền thống, phát triển làng nghề truyền thống.

ABSTRACT

The development of traditional craft villages plays a crucial role in addressing employment issues, enhancing income for citizens and the country, transitioning the economic structure in rural areas, and preserving and promoting the nation's traditional cultural values. Research analyzing the current status of traditional craft village development in Bac Giang city reveals that the city has six villages with established crafts, where farmers enjoy stable incomes linked to the region. These villages also attract labor from other areas, contributing to poverty reduction. However, most industrial clusters in these craft villages have not yet developed technical infrastructure synchronously as per regulations, particularly in controlling environmental pollution. Therefore, for the sustainable development of these craft villages, it is essential to implement policies for the synchronous development of technical infrastructure and to enhance education and awareness among citizens and enterprises about environmental protection. This includes strictly regulating the responsibilities and obligations of manufacturing households by requiring contributions to environmental protection fees.

Keywords: Traditional craft villages, developing traditional craft villages.

1. GIỚI THIỆU

Phát triển làng nghề truyền thống đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động nông thôn, giảm nghèo và bảo tồn giá trị văn hóa. Trong thành phố Bắc Giang, có nhiều làng nghề truyền thống

đã phát triển mạnh và tạo ra các sản phẩm độc đáo. Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển làng nghề như: Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ về phát triển ngành nghề nông thôn. Nghị định 08/2022/NĐ-CP

quy định, làng nghề được công nhận phải đáp ứng các yêu cầu về môi trường. Tuy nhiên, nhiều làng nghề ở Bắc Giang vẫn phát triển tự phát, còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của nhà nước và chưa có chiến lược để nâng cao sức cạnh tranh. *Bài viết phân tích hiện trạng và đề xuất giải pháp để thúc đẩy phát triển làng nghề truyền thống tại Bắc Giang.*

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Phát triển làng nghề truyền thống

Theo Khoản b Mục 3 Phần I của Thông tư số 116/2006/TT-BNN, ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện một số nội dung Nghị định số 66/NĐ-CP ngày 7/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn” khái niệm “*Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản làng, buôn, phum sóc, hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau*”.

Phát triển làng nghề là quá trình phát triển lâu dài có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hoà trong việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, duy trì được năng suất lao động, đảm bảo liên tục tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mang tính văn hóa truyền thống [1].

2.2. Vai trò của phát triển làng nghề truyền thống

Phát triển làng nghề truyền thống góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và đất nước.

Làng nghề truyền thống cũng đem lại nguồn thu nhập cao hơn là sản xuất nông nghiệp thuần túy, đặc biệt là khi kết hợp cả sản xuất nông nghiệp và tham gia hoạt động sản xuất của làng nghề thì thu nhập của họ cao hơn hẳn so với chỉ làm nông nghiệp. Các làng nghề truyền thống còn đem lại một nguồn ngoại tệ đáng kể cho đất nước, thông qua việc xuất khẩu các mặt hàng này.

Phát triển làng nghề truyền thống góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

Các làng nghề truyền thống ra đời trong bối cảnh xã hội nông nghiệp truyền thống, do đó chủ yếu phân bố ở vùng nông thôn và các vùng ven đô. Sự phát triển của các làng nghề truyền thống hiện nay có ý nghĩa rất lớn đối với việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ. Các làng nghề truyền thống ở vùng nông thôn góp phần phá vỡ thế thuần nông, mở ra khả năng phát triển công nghiệp và dịch vụ một cách hợp lý [2].

Phát triển làng nghề truyền thống góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

Làng nghề là một thực thể vật chất và tinh thần được tồn tại cố định về mặt địa lý, ổn định về nghề nghiệp hay một nhóm các nghề có mối liên hệ mật thiết với nhau để làm ra một sản phẩm, có bề dày lịch sử và được tồn tại lưu truyền trong dân gian [3].

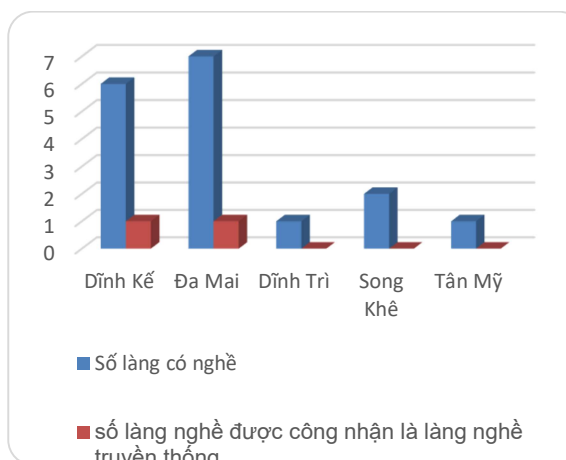
3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu sử dụng bộ số liệu thứ cấp của phòng Kinh tế thành phố Bắc Giang trong phân tích phát triển làng nghề trên các khía cạnh: số lượng làng nghề, số hộ sản xuất và cơ sở vật chất của làng nghề.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Số lượng làng nghề tại thành phố Bắc Giang

UBND tỉnh Bắc Giang đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 02/11/2010, cấp Giấy chứng nhận cho thành phố Bắc Giang có 02 làng nghề truyền thống và 04 làng nghề. Số lượng làng có nghề được phân bố tập trung ở 05 phường xã: Đình Kế (6 làng), Đa Mai (7 làng), Song Khê (2 làng), Đình Trì, Tân Mỹ (1 làng).



Biểu đồ 1. Số lượng làng nghề và làng nghề được công nhận là làng nghề truyền thống

Thứ nhất, làng nghề bún Đa Mai.

Hiện nay phường Đa Mai có gần 100 hộ thường xuyên sản xuất bún, bánh trong đó tập trung chủ yếu ở các tổ dân phố Mai Độ, Mai Đình và Hòa Sơn. Mỗi ngày các lò bún tại đây cung cấp ra thị trường khoảng 52 tấn bún, bánh đem lại thu nhập trung bình mỗi người từ 6 đến 8 triệu đồng/tháng. Năm 2017 làng nghề bún Đa Mai được Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) cấp chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu tập thể.

Thứ hai, làng nghề bánh đa Kế, thuộc phường Đình Kế thành phố Bắc Giang

Làng nghề này, với lịch sử hơn 50 năm, không chỉ phát triển kinh tế mà còn gìn giữ giá trị văn hóa truyền thống. Tuy nhiên, làng nghề đang đối mặt với nhiều thách thức như sự suy giảm của các cơ sở vật chất văn hóa vật thể và phi vật thể, thiếu đầu tư và quản lý kém hiệu quả. Sản xuất ở đây vẫn còn mang tính tự phát, thiếu chuyên nghiệp trong cải tiến kỹ thuật và tiếp thị sản phẩm. Cuộc Cách mạng công nghệ 4.0 mang lại cơ hội để quảng bá sản phẩm ra thế giới, nhưng cần có sự đầu tư và học hỏi nhiều từ các quốc gia khác như Hàn Quốc, Trung Quốc hay Nhật Bản trong việc xây dựng thương hiệu và tiếp thị sản phẩm.

Thứ ba, làng nghề Mỳ Kế. Nghề mỳ gạo ở Đình Kế đã có từ những năm 1980. Hiện tại, toàn phường có gần 500 hộ làm nghề, tập trung nhiều tại tổ dân phố Phú Mỹ 1, Phú Mỹ 2 và Phú Mỹ 3. Nghề làm mỳ không đòi hỏi công nghệ cao, máy móc hiện đại, kỹ thuật không quá phức tạp, vốn đầu tư không lớn, cho thu nhập ổn định... Vì vậy, nghề này rất phù hợp với đặc điểm và trình độ của người dân trên địa bàn.

Hơn 10 năm trở lại đây, trong bối cảnh diện tích đất nông nghiệp bị thu hẹp bởi quá trình đô thị hóa, nghề sản xuất và kinh doanh mỳ gạo trở thành một trong những “mũi nhọn” kinh tế chủ lực đem lại sức sống mới cho người dân địa phương. Ngày nay với sự đầu tư mạnh mẽ về công nghệ, chất lượng, thương hiệu mỳ Kế ngày càng được khẳng định trên thị trường. Tạo việc làm cho gần 2.000 lao động trong và ngoài địa phương, sản xuất hơn 20 tấn mỳ/ngày với mức lương bình quân từ 5 - 7 triệu đồng/người/tháng. Làng nghề mỳ Kế đang có rất nhiều thuận lợi để phát triển, nhưng cũng tồn tại không ít khó khăn, trong đó, thiếu mặt bằng sản xuất khiến tình trạng ô nhiễm môi trường tăng là khó khăn nan giải nhất. Hệ thống giao thông, thoát nước, xử lý chất thải đang xuống cấp và tắc nghẽn nghiêm trọng, gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Thứ tư, làng nghề mộc Bãi Ổi – xã Đình Trì. Nghề mộc ở thôn Bãi Ổi, được cụ Lương Văn Thù quê tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội lên lập nghiệp và truyền nghề cho người dân lao động tại địa phương từ năm 1958 của thế kỷ trước. Khi nền kinh tế nước ta dần chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường, cùng với sự xuất hiện của các sản phẩm gỗ công nghiệp, đồ mộc của nhiều địa phương trong nước cũng như được nhập khẩu từ nước ngoài ngày càng nhiều hơn, rồi gỗ nguyên liệu

dần bị khan hiếm do đóng cửa rừng tự nhiên. Do vậy, nghề mộc Bãi Ổi đã dần bị mai một, có những năm khó khăn, nhiều thợ của làng phải rời quê hương tới các địa phương khác để lập nghiệp hoặc đi làm thuê cho các cơ sở sản xuất mộc tại các làng nghề khác. Do đáp ứng nhu cầu thị hiếu tiêu dùng về thủ công mỹ nghệ, sau một thời gian dài bị mai một, nghề mộc dân dụng đã dần được khôi phục và phát triển, không khí làm việc luôn sôi động, tấp nập của một làng nghề đang sản xuất, lao động vội vã và khá khản trương tại làng nghề mộc Bãi Ổi. Để duy trì và phát triển nghề, nhiều hộ sản xuất đã mạnh dạn đầu tư, ứng dụng được những máy móc ngày càng hiện đại theo hướng các khâu chuyển sang chuyên môn hóa, phân công công việc chuyên sâu tạo thành một dây chuyền sản xuất như: Máy cuốn, máy bào, máy đục vi tính, máy vanh, máy mài, máy khoan... Đến nay, sản phẩm mộc Bãi Ổi từng bước khẳng định được vị trí của mình trên thị trường trong tỉnh

và vươn được sang các tỉnh lân cận như: Bắc Ninh, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thái Nguyên...

Do có tốc độ phát triển nhanh, nên hiện nay nghề mộc dân dụng ở thôn Bãi Ổi đang là một trong những nghề chủ lực để phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Thôn Bãi Ổi có 170 hộ thì số hộ theo nghề là 65 hộ, chiếm gần 38,2% số hộ trong làng nghề; nếu so với các hộ sản xuất thuần nông thì những hộ làm mộc có mức thu nhập cao gấp 3 đến 4 lần. Nghề mộc đã tạo việc làm cho 200 lao động từ khâu sơ chế đến hoàn thiện sản phẩm với mức thu nhập bình quân từ 7-9 triệu đồng/người/tháng. Hiện nay nhiều gia đình đã vươn lên thoát nghèo, nhiều nhà cao tầng được xây dựng, nhiều đồ dùng sinh hoạt trong gia đình được mua sắm mới từ thu nhập của nghề mộc đem lại. Nghề mộc đã góp phần làm cho bộ mặt nông thôn nơi đây ngày càng được khởi sắc.

Bảng 1. Các làng nghề trên địa bàn thành phố Bắc Giang năm 2021

T T	Tên làng	Địa chỉ	Ngành nghề sản xuất	Năm hình thành nghề	Số hộ		Tỷ lệ số hộ làm nghề/cả làng (%)
					Cả làng	Làm nghề	
1	Sau	Phường Dĩnh Kế	Bánh đa	1920	468	32	6,8
2	Đa Mai	xã Đa Mai	Bún	1900	800	82	10,2
3	Song Khê	xã Song Khê	Đan rọ tôm	1960	2456	31	1,2
4	Lục	xã Tân Mỹ	Chè tấm lụa	2000	180	18	10,0
5	Phú Mỹ	xã Dĩnh Kế	Mỳ gạo	1986	340	27	7,9
6	Bãi Ổi	xã Dĩnh Trì	Mộc dân dụng	1956	170	65	38,2

(Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Bắc Giang, năm 2021)

4.2. Số hộ sản xuất trong các làng nghề

Những năm gần đây, tốc độ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh nói chung và thành phố nói riêng diễn ra nhanh; các khu, cụm công nghiệp ngày càng được quy

hoạch và phát triển, thu hút nhiều doanh nghiệp vào đầu tư, qua đó đã giải quyết việc làm cho nhiều lao động ở khu vực nông thôn, nhất là ở các xã gần Khu CN như: Tân Mỹ, Song Khê. Qua khảo sát,

hiện nay quy mô số hộ sản xuất sản phẩm truyền thống của làng nghề rất thấp và có chiều hướng giảm sút. Theo số liệu thống kê của phòng Kinh tế thành phố Bắc Giang năm 2017, số hộ sản xuất của làng nghề đạt 854 hộ (chỉ chiếm 3% trên tổng số hộ), đến năm 2021 số hộ sản xuất chỉ còn 255 hộ (chiếm 0,5% trên tổng số hộ). Trong đó số hộ làng nghề Mỳ Kẽ giảm nhanh

nhất, bình quân 31,2%/năm, tốc độ giảm chậm hơn là các làng nghề bánh đa Kẽ - 27,5%/năm, tằm lụa Tân Mỹ - 24%/năm, giảm chậm nhất cho thấy là làng nghề bún Đa Mai, Mộc Bãi Ổi Dĩnh trì bình quân giảm 13%/năm. Chứng tỏ hiệu quả sản xuất của 2 làng nghề cao, tạo thu nhập ổn định cho người dân và hộ bám nghề duy trì và phát triển.

Bảng 2. Số hộ sản xuất trong các làng nghề giai đoạn 2017 – 2021

TT	Làng nghề	Số hộ (hộ)					So sánh (%)				
		2017	2018	2019	2020	2021	18/17	19/18	20/19	21/20	BQ
1	Mỳ Kẽ	174	150	120	81	27	86,2	80,0	67,5	33,3	66,8
2	Bánh đa Kẽ	148	125	74	78	32	84,5	59,2	105,4	41,0	72,5
3	Bún Đa Mai	140	120	90	87	82	85,7	75,0	96,7	94,3	87,9
4	Rọ tôm Song Khê	190	190	150	40	31	100,0	78,9	26,7	77,5	70,8
5	Tằm lụa Tân Mỹ	86	75	20	20	18	87,2	26,7	100,0	90,0	76,0
6	Mộc Bãi Ổi	116	101	74	74	65	87,1	73,3	100,0	87,8	87,0
Tổng số		854	761	528	380	255	89,1	69,4	72,0	67,1	74,4

(Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Bắc Giang, năm 2021)

4.3. Công nghệ, thiết bị máy móc

Một số lĩnh vực sản xuất đã ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất như máy đục, máy tiện vi tính trong sản xuất mộc, máy xay bột, máy vắt bột,.. trong sản xuất bún khô, bún tươi, máy tráng mỳ bằng điện thay thế than tổ ong, nồi tráng bánh đa bằng điện kết hợp sử dụng dàn năng lượng mặt trời, vừa giảm bớt sức lao động vừa tăng năng suất, chất lượng sản

phẩm... Tuy nhiên, một số nghề vẫn đang sử dụng các trang thiết bị, dụng cụ thủ công như đan rọ tôm, chẻ tằm lụa, quạt bánh đa,... Việc còn sử dụng các công cụ máy móc cũ kỹ, lạc hậu, phần lớn là tự chế như vậy, ngoài là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, an toàn lao động... còn ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh như năng suất lao động thấp, giá thành sản phẩm cao.

Bảng 3. Số máy móc được trang bị qua các năm ở các làng nghề

T T	Tên máy móc	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	So sánh (%)				
							18/17	19/18	20/19	21/20	BQ
1	Máy xay bột	5	14	18	26	35	280,0	128,6	144,4	134,6	171,9
2	Máy tráng	6	8	16	22	31	133,3	200,0	137,5	140,9	152,9
3	Máy thái		4	10	7	14		250,0	70,0	200,0	173,3
4	Máy trẻ nan	2	6	10	5	12	300,0	166,7	50,0	240,0	189,2
5	Máy đục	4	9	17	23	25	225,0	188,9	135,3	108,7	164,5
6	Máy tiện	2	2	4	5	7	100,0	200,0	125,0	140,0	141,3

(Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Bắc Giang, năm 2021)

Trong mỗi làng nghề chủng loại máy móc sản xuất của các hộ từng bước được đồng bộ, tạo nên sự chuyển biến cơ bản về công nghệ sản xuất trong các làng nghề, tăng hiệu quả đầu tư. Tình trạng đầu tư manh mún, nhỏ lẻ, chất lượng không đều giảm, việc áp dụng các kỹ thuật mới vào các công đoạn sản xuất không còn tự phát và tùy tiện.

4.4. Kết quả và hiệu quả sản xuất làng nghề

- Về doanh thu: Trong những năm gần đây, trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, giá nguyên vật liệu thường xuyên biến động, thời tiết và dịch bệnh diễn biến phức tạp đã tác động tiêu cực đến hoạt động của các làng nghề. Qua khảo sát, hiện nay, số hộ và số lao động tại các làng nghề giảm mạnh so với năm

với 2017 (năm 2021 còn 255 hộ giảm 599 hộ) ảnh hưởng tới doanh thu các làng nghề.

- Về thu nhập của hộ và người lao động: Thu nhập của hộ và người lao động trong các làng nghề có xu hướng tăng dần qua các năm. Năm 2017 thu nhập bình quân của hộ làm nghề đạt 35 triệu đồng/hộ; năm 2021 đạt 126,5 triệu đồng/hộ/năm. Thu nhập bình quân 1 lao động năm 2017 đạt 12,3 triệu đồng/người/năm; năm 2021 tăng lên 13,3 triệu đồng/người/năm. (Bảng 3.4). Có kết quả này là do sự phát triển về quy mô vốn sản xuất, doanh thu, lợi nhuận... của các hộ, HTX trong các làng nghề của thành phố Bắc Giang có những bước chuyển mạnh mẽ.

**Bảng 3.4. Đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất của làng nghề
giai đoạn 2017-2021**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
I	Kết quả (triệu đồng)					
1	Doanh thu	196.754	190.335	144.796	123.644	108.247
2	Chi phí	166.847	159.691	114.678	91.867	75.989
3	Lợi nhuận	29.907	30.644	30.118	31.777	32.258
II	Hiệu quả					
1	Doanh thu/chi phí (%)	117,9	119,2	126,3	134,6	142,5
2	Doanh thu/hộ (tr. đồng)	230,4	250,1	274,2	325,4	424,5
3	Doanh thu/lao động (tr. đồng)	80,9	93,7	74,1	98,9	118,3
4	Lợi nhuận/doanh thu (%)	15,2	16,1	20,8	25,7	29,8
5	Lợi nhuận/chi phí (%)	17,9	19,2	26,3	34,6	42,5
6	Lợi nhuận/ hộ (tr. đồng)	35,0	40,3	57,0	83,6	126,5
7	Lợi nhuận/lao động (tr.đồng)	12,3	12,6	12,4	13,1	13,3

(Nguồn: Phòng Kinh tế thành phố Bắc Giang, năm 2021)

5. GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN LÀNG NGHỀ TRUYỀN THỐNG Ở BẮC GIANG

5.1. Cần có chính sách phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật từ nông thôn đến thành thị thuận lợi cho việc tiêu thụ, sản xuất sản phẩm.

Để giải quyết triệt để những khó khăn còn tồn tại, cần sự vào cuộc mạnh mẽ hơn của các cơ quan chức năng liên quan để nâng cấp hệ thống hạ tầng, quy hoạch cụm làng nghề sản xuất tập trung.

Phát triển và mở rộng quy mô các làng nghề có điều kiện phát triển tốt. Quy hoạch và xây dựng các cụm công nghiệp làng nghề tập trung theo từng ngành nghề và từng khu vực làng nghề.

5.2. Tăng cường giáo dục ý thức cho người dân và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách

nhiệm, nghĩa vụ của hộ sản xuất bằng việc đóng góp phí bảo vệ môi trường.

Thường xuyên tổ chức tốt công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức, nội dung trên nhiều kênh thông tin với nhiều cách làm mới.

Tăng cường giáo dục ý thức cho người dân và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách nhiệm, nghĩa vụ của hộ sản xuất bằng việc đóng góp phí bảo vệ môi trường. Có những chế tài xử phạt nghiêm minh đối với những cơ sở sản xuất vi phạm các quy định bảo vệ môi trường.

Cần nâng cao vai trò và tích cực phối hợp sự tham gia của cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường làng nghề.

6. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy thành phố Bắc Giang có 06 làng có nghề. Nhờ phát triển làng nghề nên các hộ có thu

nhập ổn định, gắn bó với địa bàn đồng thời thu hút lao động các địa phương khác đến làm việc, góp phần xoá đói giảm nghèo. Tuy nhiên, hiện nay hầu hết các cụm công nghiệp làng nghề đều chưa xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật theo quy định, đặc biệt là hạng mục xử lý ô nhiễm môi trường. Do đó, những giải pháp thúc đẩy phát triển làng nghề

truyền thống là: cần có chính sách phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật từ nông thôn đến thành thị thuận lợi cho việc tiêu thụ, sản xuất sản phẩm. Đồng thời, tăng cường giáo dục ý thức cho người dân và doanh nghiệp về bảo vệ môi trường, quy định chặt chẽ trách nhiệm, nghĩa vụ của hộ sản xuất bằng việc đóng góp phí bảo vệ môi trường.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1]. Hà Thị Ánh Tuyết (2017), *“Quản lý nhà nước đối với làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam”*, Luận văn Thạc sỹ kinh tế, Học viện hành chính Quốc gia, Quảng Nam.
- [2]. Đinh Xuân Nghiêm & c.s (2010), *Một số chính sách chủ yếu phát triển bền vững làng nghề ở Việt Nam*.
- [3]. Trịnh Xuân Thắng (2014), *“Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống một cách bền vững”*, *Tạp chí Cộng sản*.